# ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CỐT LÕI TRONG ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN NGỮ VĂN THÍCH ỨNG VỚI CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

**Nguyễn Thị Thúy Hồng**
*Trường Đại học Thủ đô Hà Nội*

***Tóm tắt.*** *Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đã được vận hành thời gian qua, đặt ra những yêu cầu mới về năng lực chung và năng lực cốt lõi của giáo viên Ngữ văn. Việc kiểm tra, đánh giá năng lực cốt lõi trong đào tạo giáo viên Ngữ văn tại các trường Sư phạm để thích ứng với dạy học Chương trình phổ thông 2018 có một ý nghĩa quan trọng. Bài viết tập trung làm rõ thành phần các năng lực chung, năng lực nghề của giáo viên Ngữ văn làm căn cứ đề xuất hình thức đánh giá các mức độ năng lực cốt lõi (Đánh giá xác thực - Authentic Assessment) và quy trình thực hiện để đo mức độ tiến bộ và khả năng thực hành nghề nghiệp của người học. Trên cơ sở đó, việc phân loại năng lực nghề theo hệ tiêu chí đạt chuẩn sẽ cung cấp những thông tin để người giảng dạy, các cơ sở đào tạo điều chỉnh chương trình giảng dạy/rèn luyện nghiệp vụ/kiểm tra - đánh giá nhằm hoàn thiện năng lực cơ bản của người giáo viên Ngữ văn đáp ứng với yêu cầu đổi mới của Chương trình giáo dục phổ thông 2018.*

***Từ khóa.*** *Chương trình giáo dục phổ thông 2018, năng lực cốt lõi, năng lực sư phạm, kiểm tra – đánh giá, giáo viên Ngữ văn.*

Nhận bài ngày 22.05.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 25.07.2025
Liên hệ tác giả: Nguyễn Thị Thúy Hồng; email: ntthong2@daihocthudo.edu.vn

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trước sự thay đổi, yêu cầu mới của Chương trình GDPT 2018, một vấn đề đặt ra đối với các trường Sư phạm là xây dựng hệ năng lực nghề cốt lõi trong đào tạo giáo viên Ngữ văn. Trên cơ sở mục tiêu của khung Chương trình tổng thể, chương trình đào tạo giáo viên cũng cần xây dựng Chuẩn đầu ra phù hợp, đáp ứng yêu cầu thực tiễn dạy học. Do đó, việc xác định hệ năng lực cốt lõi trong đào tạo giáo viên Ngữ văn thực sự cần thiết, cần được triển khai đồng bộ, toàn diện trong quá trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm của sinh viên Ngữ văn. Việc lựa chọn một hình thức đánh giá đo được sản phẩm thực của sinh viên (soạn giảng tiết dạy và xây dựng đề kiểm tra) sẽ góp phần đánh giá mức độ tiến bộ của người học, đáp ứng tiêu chuẩn về năng lực nghề nghiệp, cung cấp những phản hồi kịp thời để điều chỉnh chiến lược giảng dạy, đào tạo của các trường Sư phạm trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

## 2. NỘI DUNG

### 2.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu về năng lực cốt lõi của giáo viên

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, việc nâng cao năng lực nghề nghiệp của giáo viên trở thành một yêu cầu cấp thiết. Năng lực nghề giáo viên không chỉ giới hạn ở kiến thức chuyên môn mà còn bao gồm kỹ năng sư phạm, phẩm chất nghề nghiệp và khả năng thích ứng với những thay đổi của xã hội. Trên thế giới cũng như tại Việt Nam, nhiều công trình nghiên cứu đã được thực hiện nhằm nhận diện, đánh giá và phát triển năng lực nghề của đội ngũ giáo viên.

#### *2.1.1. Một số công trình nghiên cứu trong nước*

Nguyễn Công Khanh (2008) trong công trình *"Phát triển đội ngũ giáo viên phổ thông theo tiếp cận năng lực"*, tác giả đề xuất khung năng lực nghề giáo viên gồm các năng lực cốt lõi như: năng

lực dạy học, năng lực giáo dục học sinh, năng lực sử dụng công nghệ và năng lực phát triển nghề nghiệp. Tác giả nhấn mạnh vai trò của đào tạo – bồi dưỡng gắn với thực tiễn nghề dạy học.

Phạm Hồng Quang (2013) trong tác phẩm *"Năng lực nghề nghiệp của giáo viên – Lý luận và thực tiễn"* đưa ra hệ thống lý thuyết toàn diện về năng lực giáo viên. Công trình nhấn mạnh mối liên hệ giữa năng lực chuyên môn, năng lực sư phạm và năng lực thích ứng với đổi mới giáo dục.

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (2018) là cơ quan chủ trì xây dựng chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông đã đưa ra một bộ chuẩn gồm 5 tiêu chuẩn và 15 tiêu chí như: phẩm chất nhà giáo, phát triển chuyên môn, tổ chức dạy học, quản lý lớp học và phối hợp với cộng đồng. Đây là bộ chuẩn nền tảng trong đánh giá và bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp giáo viên ở Việt Nam hiện nay.

***2.1.2. Một số công trình nghiên cứu quốc tế***

Tác giả Lee S. Shulman (1986) – Hoa Kỳ trong bài viết *"Those Who Understand: Knowledge Growth in Teaching"* đã đưa ra khái niệm Kiến thức sư phạm nội dung (Pedagogical Content Knowledge – PCK) – một năng lực trung tâm trong nghề dạy học, kết hợp giữa hiểu biết chuyên môn và khả năng truyền đạt đến học sinh. Đây là công trình có ảnh hưởng sâu rộng trong lĩnh vực đào tạo giáo viên.

Theo OECD – Dự án TALIS (2009, 2018) dựa trên khảo sát quốc tế về giảng dạy và học tập (TALIS) đưa ra mô hình năng lực giáo viên gồm: năng lực chuyên môn, năng lực đổi mới phương pháp, năng lực hợp tác và học tập suốt đời. Báo cáo nhấn mạnh mối quan hệ giữa năng lực giáo viên và chất lượng giáo dục.

Linda Darling-Hammond (2006) trong công trình *"Powerful Teacher Education"*, tác giả đã phân tích sự cần thiết của việc phát triển năng lực nghề qua các mô hình đào tạo giáo viên gắn với thực hành. Bà nhấn mạnh việc phát triển tư duy phản biện, kỹ năng giao tiếp, đánh giá và thiết kế bài giảng hiện đại.

Như vậy, các nghiên cứu trong nước và quốc tế đều cho thấy rằng năng lực nghề nghiệp của giáo viên là một hệ thống phức hợp, bao gồm nhiều yếu tố như kiến thức chuyên môn, kỹ năng sư phạm, phẩm chất đạo đức, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo, và phát triển nghề nghiệp. Trong kỷ nguyên chuyển đổi số và đổi mới giáo dục toàn diện, giáo viên cần được xem là những nhà chuyên môn thực thụ, có khả năng thích ứng, sáng tạo và dẫn dắt sự thay đổi. Tuy nhiên, gắn với chương trình giáo dục phổ thông 2018, chúng tôi nhận thấy chưa có nhiều công trình, bài báo nghiên cứu, phân tích những năng lực thành phần cụ thể; từ đó, đề xuất hệ năng lực cốt lõi và các hình thức đánh giá phù hợp trong việc đào tạo sinh viên Sư phạm Ngữ văn. Từ những căn cứ nghiên cứu trên, chúng tôi triển khai bài báo với nội dung: Đánh giá năng lực cốt lõi trong đào tạo giáo viên Ngữ văn thích ứng với chương trình giáo dục phổ thông.

**2.2. Khái lược chung về năng lực và yêu cầu chương trình GDPT 2018**

**2.2.1. *Về năng lực***

*a. Năng lực và năng lực nghề nghiệp*

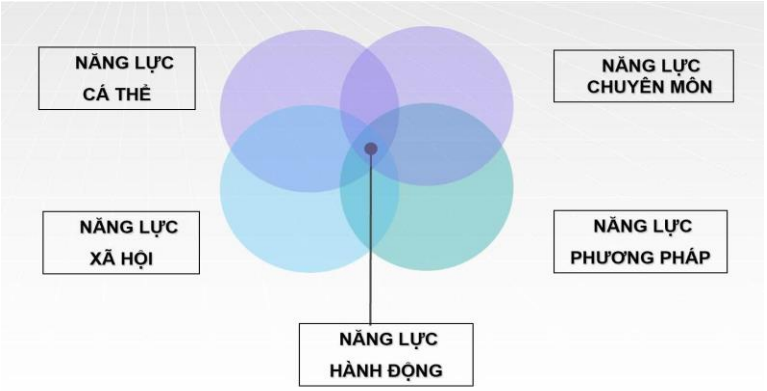
Khái niệm năng lực (*competency*) là một vấn đề rộng, với nhiều định nghĩa, từ nhiều góc độ tâm lý, giáo dục khác nhau.

"Năng lực là sự tích hợp các kỹ năng tác động một cách tự nhiên lên các nội dung trong một loạt tình huống cho trước để giải quyết những vấn đề do những tình huống này đặt ra" [1].

Còn xét từ động cơ hành động, có ý kiến cho rằng: "Năng lực là khả năng vận dụng những kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng, thái độ và hứng thú để hành động một cách phù hợp và hiệu quả trong những tình huống đa dạng của cuộc sống"

Tác giả Nguyễn Văn Tuấn (trong chuyên đề bồi dưỡng sư phạm về phương pháp dạy học tích hợp, Đại học Sư phạm kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh, 2010) xác định các thành phần cấu trúc năng lực: năng lực cá thể, năng lực chuyên môn, năng lực phương pháp và năng lực xã hội.

Tác giả Đinh Trọng Cường mô hình hóa cấu trúc năng lực cá nhân như sau:




Theo quan điểm khởi xướng của một phong trào giáo dục xuất hiện ở Hoa Kỳ, Canada vào những năm 1970, 1980: "Tiếp cận năng lực trong giáo dục tập trung vào **kết quả** học tập, nhắm tới những gì người học dự kiến phải **làm được** hơn là nhắm tới những gì họ cần phải **học được**". Hay đánh giá năng lực phải dựa theo những nguyên tắc và tiêu chí cơ bản: "Đào tạo người học dựa trên năng lực thực hiện dẫn họ đến việc làm chủ được những kỹ năng cơ bản và kỹ năng sống cần thiết của cá nhân và hòa nhập tốt vào hoạt động ngoài xã hội".

Như vậy, năng lực được hiểu là *năng lực thực hiện*, *khả năng thực hiện*, khả năng kết nối, làm chủ những kiến thức, kỹ năng và đặc điểm nhân cách của một cá nhân để giải quyết một nhiệm vụ của thực tiễn. Chỉ khi nào sự vận dụng, hành động này được thực hiện thành công, hiệu quả nhiệm vụ đề ra thì mới xem cá nhân có năng lực nhất định.

*b. Năng lực chung của giáo viên Ngữ văn*

Căn cứ vào các tiêu chuẩn và thành tố cấu thành năng lực, chúng tôi xác định cấu trúc năng lực cơ bản của giáo viên Ngữ văn gồm các năng lực sau: năng lực chuyên ngành, năng lực tư duy và năng lực nghề nghiệp. Đây là những năng lực cần có trong đào tạo sinh viên Ngữ văn dạy học cấp THCS và THPT.

***Năng lực chuyên ngành Ngữ văn**: bao gồm năng lực tiếp nhận và tạo lập văn bản.

- Năng lực tiếp nhận văn bản là khả năng đọc hiểu các loại văn bản, đánh giá được thông điệp, ý nghĩa của văn bản, làm sơ sở đọc hiểu các loại văn bản khác. Từ đó, gắn liền với các nhiệm vụ giảng dạy ở nhà trường phổ thông, kết nối văn học với thực tiễn đời sống.

- Năng lực tạo lập văn bản là khả năng vận dụng những kiến thức về từ vựng, cú pháp, đoạn văn để tạo lập các kiểu văn bản phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp trong công việc và cuộc sống.

Bên cạnh đó, năng lực tự học, tự nghiên cứu để phát triển chuyên môn/nghề nghiệp đòi hỏi sinh viên Sư phạm Ngữ văn tự tìm hiểu tri thức, giải quyết vấn đề và rút ra được những tri thức mới, ý tưởng sáng tạo trong dạy học.

***Năng lực tư duy**: bao gồm tư duy lô gic, tư duy phản biện và tư duy sáng tạo.

Tư duy lô gic đòi hỏi người học có khả năng trình bày vấn đề mạch lạc, có trình tự khoa học rõ ràng. Tư duy phản biện là khả năng phát hiện những mặt mạnh, mặt yếu, đúng-sai của một vấn đề/đối tượng, từ đó có sự điều chỉnh nhận thức, suy luận có hệ thống, chứng cứ và khảo nghiệm trước khi nêu quan điểm cá nhân. Tư duy sáng tạo là khả năng liên kết thông tin, suy luận mở rộng ngoài các khuôn mẫu, nền tảng tạo ra cái mới.

* **Năng lực nghề** (Sư phạm) bao gồm các thành phần sau:

Căn cứ chuẩn đầu ra của ngành đào tạo, sinh viên Sư phạm Ngữ văn ra trường cần có hệ năng lực như sau:

- Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động nhận thức cho học sinh theo Chương trình GDPT các cấp, tổ chức các hoạt động hình thành kỹ năng Đọc, Viết, Nói nghe cho học sinh.

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ đảm bảo chính xác, trong sáng, lời nói hấp dẫn, giàu hình ảnh,… sẽ thu hút và đảm bảo hiệu quả của giờ học.

- Năng lực lựa chọn và sử dụng các phương tiện, kỹ thuật và phương pháp dạy học phù hợp.

- Năng lực kiểm tra và đánh giá người học theo yêu cầu và nội dung chương trình quy định.